

THIẾT BỊ CẮT LỌC SÉT 3 PHA

► GLOBAL PLP363-F100



Ứng dụng

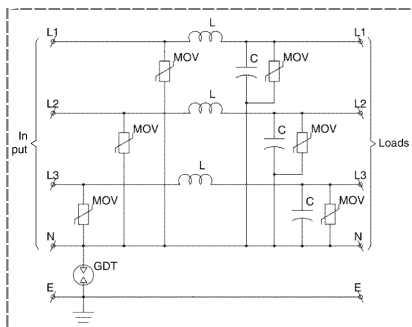
- Thiết bị chống sét trên đường nguồn điện hạ áp xoay chiều
- Cung cấp nguồn điện an toàn cho các thiết bị được bảo vệ phía sau
- Bảo vệ cho mạng điện 3 pha (3P+N+E)
- Phù hợp với hầu hết mạng điện vận hành hiện hữu
- Thiết kế nhỏ gọn, lắp đặt treo tường

Chức năng

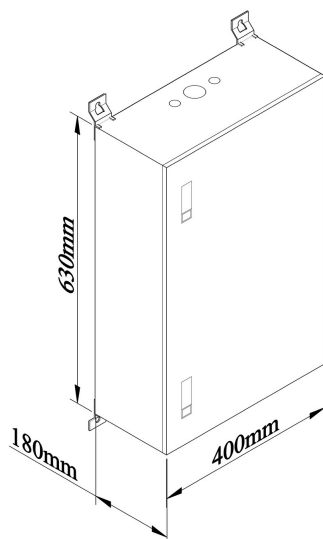
Thiết bị **GLOBAL PLP363-F100** tích hợp các module tần xung sét năng lượng cao và mạch lọc chuyên dụng, sử dụng công nghệ MOV (Metal Oxide Varistor). Thiết bị được mắc nối tiếp với mạch điện cần bảo vệ để lọc và tần các xung sét cảm ứng trên đường cấp nguồn điện. Thực hiện bảo vệ qua ba tầng:

- Tầng bảo vệ sơ cấp:** Dẫn xung điện áp đột biến hoặc xung sét vào và tần nhanh xuống mạch trung tính hoặc xuống mạch tiếp đất bằng các module cắt sét bằng công nghệ MOV.
- Tầng lọc:** Giảm tốc độ biến thiên điện áp của các dạng xung sét đã được đi qua tầng cắt sét sơ cấp.
- Tầng bảo vệ thứ cấp:** Tần các xung đột biến cảm ứng còn lại theo cấp ở ngõ ra hoặc gây ra bởi chính tải, bằng các module cắt sét sử dụng công nghệ MOV.

Công nghệ MOV giúp phân biệt xung sét và các xung quá điện áp, hoạt động hiệu quả trong mạng điện không ổn định. Phạm vi sử dụng rộng rãi, không đòi hỏi các quy định nghiêm ngặt về lắp đặt, vận hành, phù hợp cho các mạng điện ở khu vực Đông Nam Á.



Sơ đồ đấu nối



Thông số kỹ thuật

Chế độ bảo vệ	L-N, N-G (N-E/PE)
Công nghệ	MOV + LC + GDT (Metal Oxide Varistor + LC filter + Gas Discharge Tubes)
Điện áp làm việc danh định, Un (Vac)	220/380, 277/480
Dòng làm việc định mức, IL (A)	63
Số cực	3P + N (3 pha + N)
Dải tần số, (Hz)	50 ÷ 60
Khả năng chịu dòng ngắn mạch (kA)	25
Khả năng chịu dòng xung danh định (8/20 μs), In (kA)	20 kA/pha
Tầng bảo vệ sơ cấp	Công nghệ: MOV + GDT
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μs), I _{max} (kA)	100 kA/pha (L-N), 150 kA (N-E)
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μs), I _{limp} (kA)	10 kA/pha (L-N), 50 kA (N-E)
Tầng lọc	Mạch lọc thông thấp LC (bao gồm cuộn lọc và tụ điện loại X2)
Tầng bảo vệ thứ cấp	Công nghệ: MOV
Khả năng chịu dòng xung tối đa (8/20 μs), I _{max} (kA)	60 kA/pha (L-N)
Khả năng chịu dòng xung tối đa (10/350 μs), I _{limp} (kA)	6 kA/pha (L-N)
Thời gian đáp ứng (ns)	≤ 25
Điện áp bảo vệ, Up (V)	250 V @ I _n
Độ ẩm (%)	0 ÷ 98 (không ngưng tụ)
Nhiệt độ (°C)	0 ÷ 85
Vỏ hộp	Thép sơn tĩnh điện, cấp bảo vệ: IP54
Lắp đặt	Treo tường
Chỉ thị trạng thái làm việc của thiết bị	Có (đèn LED)
Kích thước: Rộng x Cao x Sâu (mm)	400 x 630 x 180
Trọng lượng (kg)	18
Đấu nối (mm ²)	35
Đáp ứng tiêu chuẩn	ANSI/IEEE C62.41.2-2002 (A, B, C); ANSI/IEEE C62.41.2 Scenario II, Exposure 3, 100 kA 8/20 μs, 10 kA 10/350 μs; TCN 68 - 167 : 1997; TCN 68 - 174 : 1998; EN 61643-11: 2012; IEC 61643-11: 2011

